

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 18/2015/QĐ-UBND

Quảng Trị, ngày 27 tháng 8 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định mức chi đối với công tác phổ biến giáo dục pháp luật,
hòa giải ở cơ sở và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân
tại cơ sở trên địa bàn tỉnh Quảng Trị**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND ngày 03 tháng 4 năm 2004;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2002;

Căn cứ Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật; Luật Hòa giải ở cơ sở;

Căn cứ Nghị định số 28/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp bảo đảm thi hành Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật;

Căn cứ Quyết định số 09/2013/QĐ-TTg ngày 24 tháng 01 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định về chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 14/2014/TTLT-BTC-BTP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Bộ Tài Chính - Bộ Tư pháp quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 100/2014/TTLT-BTC-BTP ngày 30 tháng 7 năm 2014 của Bộ Tài Chính - Bộ Tư pháp quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện công tác hòa giải ở cơ sở;

Căn cứ Nghị quyết số 16/2015/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2015 của HĐND tỉnh Quảng Trị Quy định mức chi đối với công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở, chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định mức chi đối với công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở trên địa bàn tỉnh Quảng Trị (Có Phụ lục kèm theo), cụ thể như sau:

1. Nội dung chi cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật thực hiện theo quy định tại Điều 4 Thông tư liên tịch số 14/2014/TTLT-BTC-BTP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp;

2. Nội dung chi cho công tác hòa giải ở cơ sở thực hiện theo quy định tại Điều a và Điều c, Khoản 2, Điều 3 Thông tư liên tịch số 100/2014/TTLT-BTC-BTP ngày 30 tháng 7 năm 2014 của Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp.

3. Mức chi quy định tại Quyết định này là mức chi tối đa, các ngành, các cấp căn cứ vào khả năng ngân sách, kinh phí thường xuyên được bố trí hàng năm để cân đối, thực hiện các mức chi theo quy định.

a) Mức chi cụ thể cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật thực hiện theo quy định tại Khoản 1, Điều 5 Thông tư liên tịch số 14/2014/TTLT-BTC-BTP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp;

b) Mức chi cụ thể cho công tác hòa giải ở cơ sở thực hiện theo quy định tại Khoản 19 và Khoản 21, Điều 4 Thông tư liên tịch số 100/2014/TTLT-BTC-BTP ngày 30 tháng 7 năm 2014 của Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp.

c) Các khoản chi cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở không quy định trong Quyết định này thì áp dụng theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 2. Kinh phí thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân ở cơ sở, hòa giải ở cơ sở của cấp nào thì chi từ nguồn ngân sách của cấp đó theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1158/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2013 của UBND tỉnh Quảng Trị quy định một số mức chi đối với công tác phổ biến giáo dục pháp luật trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tư Pháp, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã và các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Đức Chính

Phụ lục
Về việc quy định mức chi đối với công tác phổ biến giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở
và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở trên địa bàn tỉnh Quảng Trị
(Ban hành kèm theo Quyết định số 18/2015/QĐ-UBND ngày 27 tháng 8 năm 2015 của UBND tỉnh Quảng Trị)

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi tối đa (1.000 đồng)			Ghi chú
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	
1	Xây dựng chương trình, đề án, kế hoạch; các văn bản quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn chương trình, đề án, kế hoạch					
a)	Xây dựng đề cương					
	Xây dựng đề cương chi tiết	Đề cương	950	700	500	
	Tổng hợp hoàn chỉnh đề cương tổng quát	Đề cương	1.400	1.000	700	
b)	Soạn thảo chương trình, đề án, kế hoạch					
	Soạn thảo chương trình, đề án, kế hoạch	Chương trình, đề án, kế hoạch	1.500	1.000	750	
	Soạn thảo báo cáo tiếp thu, tổng hợp ý kiến	Báo cáo	400	320	250	
c)	Tổ chức họp, tọa đàm góp ý					
	Chủ trì	Người/buổi	160	130	100	
	Thành viên	Người/buổi	80	60	50	
d)	Ý kiến tư vấn của chuyên gia					
		Văn bản	400	320	250	
đ)	Xét duyệt chương trình, đề án, kế hoạch					
	Chủ tịch Hội đồng	Người/buổi	160	130	100	
	Thành viên Hội đồng, Thư ký	Người/buổi	120	100	80	
	Đại biểu được mời tham dự	Người/buổi	80	60	40	
	Nhận xét, phản biện của Hội đồng	Bài viết	240	190	150	
	Bài nhận xét của Ủy viên Hội đồng	Bài viết	150	120	100	
	Lấy ý kiến tham định (trường hợp không thành lập Hội đồng xét duyệt chương trình, đề án, kế hoạch)	Bài viết	400	320	250	
g)	Xây dựng các văn bản quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn chương trình, đề án, kế hoạch					
		Văn bản	400	320	250	

2	Chỉ thù lao báo cáo viên, tuyên truyền viên, người được mời tham gia công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; thù lao cộng tác viên, chuyên gia tham gia các hoạt động đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật					
a)	Thù lao báo cáo viên cấp trung ương, cấp tỉnh: - Giảng viên, báo cáo viên là Ủy viên Trung ương Đảng; Bộ trưởng, Bí thư Tỉnh ủy và các chức danh tương đương - Giảng viên, báo cáo viên là Thứ trưởng, Chủ tịch HĐND và UBND cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Phó Bí thư Tỉnh ủy và các chức danh tương đương; giáo sư; chuyên gia cao cấp; tiến sỹ khoa học - Giảng viên, báo cáo viên là cấp Phó Chủ tịch HĐND và UBND cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Vụ trưởng và Phó Vụ trưởng thuộc Bộ, Viện trưởng và Phó Viện trưởng thuộc Bộ, Cục trưởng, Phó Cục trưởng và các chức danh tương đương; phó giáo sư; tiến sỹ; giảng viên chính - Giảng viên, báo cáo viên còn lại là cán bộ, công chức, viên chức công tác tại các cơ quan, đơn vị ở Trung ương và cấp tỉnh (ngoài 3 đối tượng nêu trên)	Người/buổi	1.000 800 600 500			
b)	Thù lao báo cáo viên cấp huyện	Người/buổi		240		
c)	Thù lao tuyên truyền viên pháp luật; thù lao hướng dẫn sinh hoạt chuyên đề Câu lạc bộ pháp luật, nhóm nông cốt	Người/ buổi			150	
d)	Thù lao cho người được mời tham gia công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; thù lao cộng tác viên, chuyên gia tham gia các hoạt động đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật	Người/buổi				Tùy theo trình độ, áp dụng mức chi quy định tại Điểm a, b, c, của Mục này
đ)	Thù lao báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật, người được mời tham gia phổ biến, giáo dục pháp luật, cán bộ thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cho các đối tượng đặc thù	Người/buổi	Được hưởng thêm 20% so với mức thù lao quy định tại Điểm a, b, c, d Mục này			
3	Biên soạn, biên tập và thẩm định tài liệu tập huấn, tài liệu phục vụ công tác phổ biến, giáo dục pháp luật (đề cương tuyên truyền, tài liệu phổ biến, tập huấn) và chuẩn tiếp cận pháp luật					
a)	Biên soạn	Trang	45	35	25	01 buổi triển khai pháp
b)	Biên tập, thẩm định	Trang	25	20	15	luật: 30 trang

4	Biên soạn, biên tập và thẩm định một số tài liệu phổ biến, giáo dục pháp luật đặc thù					
a)	Tờ gấp pháp luật (bao gồm biên soạn, biên tập, thẩm định)	Tờ gấp đã hoàn thành	800	640	500	
b)	Tình huống giải đáp pháp luật (bao gồm biên soạn, biên tập, thẩm định)	Tình huống đã hoàn thành	240	190	150	
c)	Câu chuyện pháp luật: (bao gồm biên soạn, biên tập, thẩm định)	Câu chuyện đã hoàn thành	1.200	900	750	
d)	Tiểu phẩm pháp luật: (gồm biên soạn, biên tập, thẩm định, lấy ý kiến chuyên gia)	Tiểu phẩm đã hoàn thành	4.000	3.200	2.500	
5	Thù lao biên dịch tài liệu phổ biến, giáo dục pháp luật sang tiếng dân tộc thiểu số	Trang	60 (tối thiểu mỗi trang phải đạt 300 từ của bản gốc)			
6	Chi xây dựng và duy trì sinh hoạt Câu lạc bộ pháp luật, nhóm nông cốt					
	Chi hỗ trợ tiền ăn, nước uống cho thành viên tham gia hội nghị ra mắt Câu lạc bộ pháp luật (không quá 01 ngày)	Người/ngày	24			
	Chi tiền nước uống cho người dự sinh hoạt Câu lạc bộ pháp luật, nhóm nông cốt	Người/buổi	8			
7	Chi cho công tác hòa giải ở cơ sở					
a)	Chi thù lao hòa giải					
	- Hòa giải thành	Vụ, việc/tổ hòa giải	150			Căn cứ hồ sơ cụ thể có xác nhận của UBND cấp xã về việc hòa giải thành hoặc không thành của tổ hòa giải ở cơ sở
	- Hòa giải không thành	Vụ, việc/tổ hòa giải	100			
b)	In, mua tài liệu, văn phòng phẩm, sổ sách phục vụ công tác hòa giải	Tổ/tháng	100			
8	Chi phiên dịch tiếng dân tộc thiểu số, thuê người dẫn đường					
a)	Chi phiên dịch tiếng dân tộc thiểu số kèm người dẫn đường (đối với trường hợp phải thuê ngoài)	Ngày	Được hưởng 200% mức lương cơ sở, tính theo lương ngày do Nhà nước quy định cho khu vực quản lý hành chính			Chỉ áp dụng đối với hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật lưu động, sinh hoạt chuyên đề pháp luật, sinh hoạt Câu lạc bộ pháp luật, nhóm nông
b)	Chi thuê người dẫn đường (không phải phiên dịch)	Ngày	Được hưởng 150% mức lương cơ sở tính theo lương ngày do Nhà			

			nước quy định cho khu vực quản lý hành chính	cột tại vùng sâu, vùng xa cần có người địa phương dẫn đường và người phiên dịch cho cán bộ thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật		
9	Chi tổ chức cuộc thi, hội thi					
a)	Chi biên soạn đề thi, đáp án, bồi dưỡng Ban Giám khảo, Ban Tổ chức và một số nội dung chi khác		(Áp dụng mức chi quy định tại Thông tư liên tịch số 66/2012/TTLT-BTC-BGD&ĐT theo mức: ở cấp tỉnh bằng 80% so với cấp Trung ương, cấp huyện bằng 80% so với cấp tỉnh, cấp xã bằng 80% so với cấp huyện)			
b)	Chi tổ chức cuộc thi sân khấu, thi trên internet, có thêm mức chi đặc thù sau					
	Thuê dẫn chương trình	Người/ngày	1.600	1.200	900	
	Thuê hội trường và thiết bị phục vụ cuộc thi sân khấu	Ngày	8.000	6.000	4.500	
	Thuê văn nghệ, diễn viên	Người/ngày	240			
	Thu thập thông tin, tư liệu, lập hệ cơ sở dữ liệu tin học hóa (đối với cuộc thi qua mạng điện tử)		Thực hiện theo Thông tư số 194/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài Chính.			
c)	Chi giải thưởng: (Thực hiện theo quy định tại Điểm c, Khoản 7 Phụ lục của Thông tư liên tịch số 14/2014/TTLT-BTC-BTP ngày 27/01/2014 của Liên Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp).					
d)	Chi hỗ trợ tiền ăn, ở cho thí sinh tham dự hội thi. (Không quá 10 ngày kể cả ngày tập luyện và thi. Những người đã được hưởng khoản hỗ trợ này thì không thanh toán công tác phí ở cơ quan)	Người/ngày	Áp dụng mức chi hỗ trợ tiền ăn, ở đối với đại biểu không hưởng lương theo quy định hiện hành về chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan Nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập			
10	Chi hỗ trợ hoạt động truyền thông, phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật trên đài phát thanh xã, phường, thị trấn, loa truyền thanh cơ sở					
a)	Biên soạn, biên tập tài liệu phát thanh (tính theo trang chuẩn 350 từ)	Trang	70	60	50	
b)	Bồi dưỡng phát thanh					
	Phát thanh bằng tiếng Việt	Lần	15			
	Phát thanh bằng tiếng dân tộc	Lần	20			

11	Chi phục vụ trực tiếp việc xây dựng, quản lý và khai thác tử sách pháp luật				
	Chi hoạt động xây dựng, quản lý, khai thác tử sách pháp luật hàng năm (theo Quyết định số 06/2010/QĐ-TTg ngày 25/01/2010 của Thủ tướng Chính phủ)	Tử/năm		2.000	
	Rà soát, bổ sung, cập nhật sách định kỳ 06 tháng/lần	Lần		100	
	Bồi dưỡng cán bộ tham gia luân chuyển sách	Lần/người		50	
12	Chi thực hiện thống kê, rà soát, viết báo cáo đánh giá công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chương trình, đề án, kế hoạch, đánh giá thực hiện chuẩn tiếp cận pháp luật				
a)	Thu thập thông tin, xử lý số liệu báo cáo của các ngành, địa phương	Báo cáo	40	30	20
b)	Rà soát văn bản, tài liệu phục vụ hệ thống hóa, kiến nghị xây dựng thể chế, thực hiện chương trình, đề án	Văn bản	40	30	20
c)	Viết báo cáo				
	Báo cáo tổng hợp trình, báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ	Báo cáo	3.500	2.800	
	Báo cáo định kỳ hàng năm của các ngành, địa phương	Báo cáo	2.400	1.900	1.500
	Báo cáo chuyên đề	Báo cáo	2.400	1.900	1.500
	Báo cáo đột xuất	Báo cáo	800	600	450
13	Chi hoạt động của Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật (văn phòng phẩm cho thành viên Hội đồng)	Người/ năm	400	300	
14	Chi hoạt động của Hội đồng chuẩn tiếp cận pháp luật của người Dân tại cơ sở (văn phòng phẩm cho thành viên Hội đồng)	Hội đồng/năm	400	300	200
15	Chi khen thưởng xã, phường, thị trấn (gọi tắt là cấp xã); huyện, thành phố thuộc tỉnh (gọi tắt là cấp huyện)				
a)	Khen thưởng cấp xã, cấp huyện được UBND tỉnh công nhận đạt chuẩn	Tương đương tập thể lao động xuất sắc	Bằng 1,5 lần mức lương cơ sở		Áp dụng theo quy định của Luật Thi đua, khen thưởng và các văn bản hướng dẫn thi hành
b)	Khen thưởng cấp xã được UBND tỉnh tặng Bằng khen tiêu biểu về tiếp cận pháp luật cấp tỉnh	Bằng khen	Bằng 2 lần mức lương cơ sở		